TÒA ÁN QUÂN SỰ **KHU VỰC THỦ ĐÔ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HS-ST
Ngày 12 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: 1// Đỗ Thanh Xuân.

Các Hội thẩm quân nhân:

3// Nguyễn Văn Hùng;

2// Phạm Sỹ Hiển.

Thư ký phiên toà: 4/ Hoàng Thị Phương Nhung, Thư ký Toà án quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội tham gia phiên toà*:** 1// Ngô Quang Huy - Kiểm sát viên;

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức T; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 31 tháng 8 năm 1989; tại: Phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện U, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hoá: lớp 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức M và bà Đàm Thị H; có vợ là Trương Tú Q và 02 con (con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt hành chính và xử lý kỷ luật lần nào; bị tạm giữ từ ngày 05/12/2018 đến ngày 14/12/2018 và bị tạm giam từ ngày 14/12/2018 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam T75, Cục điều tra hình sự, Bộ Quốc phòng: Có mặt.

- *Những người làm chứng:*

1. Phạm Thị T1: Vắng mặt.
2. Phạm Thị T2: Vắng mặt.
3. Lại Văn Đ: Vắng mặt.
4. Lý Thị Kim C: Vắng mặt.
5. Nguyễn Thị D: Vắng mặt.
6. Nguyễn Thị Q: Vắng mặt.

7. Nguyễn Văn H: Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3 năm 2018, tại Bệnh viện Quân y 103, T gặp Lý Thị Kim C (sinh năm 1988; trú tại: Ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ); qua nói chuyện, T biết C có nhu cầu bán thận và trước đó C đã thông qua người phụ nữ tên P (không rõ nhân thân, địa chỉ) nhờ bán thận nhưng không thành công. T đồng ý giúp C tìm người mua thận của C; sau đó T đã tìm được chị Phạm Thị T1 (trú tại: xã H, huyện H, tỉnh Nam Định) có chồng là anh Lại Văn Đ (sinh năm 1974, bị suy thận mạn tính đang điều trị tại Bệnh viện Quân y 103) cần ghép thận. T thỏa thuận với chị T1 giá một quả thận của C là 310.000.000 đồng; chị T1 đồng ý, sau đó đưa C đi làm các xét nghiệm và thủ tục hiến thận. Đến tháng 6/2018, sau khi C và anh Đ được phẫu thuật ghép thận thành công, chị T1 đã nhờ chị gái là chị Phạm Thị T2 (sinh năm: 1974, trú tại: xã H, huyện H, tỉnh Nam Định) đưa số tiền 310.000.000 đồng trực tiếp cho T tại căng tin Viện bỏng Lê Hữu Trác. T khai sau khi nhận được số tiền này, T đã đưa cho P để P trả cho C 250.000.000 đồng tiền bán thận còn T được P chia cho 15.000.000 đồng.

Đến khoảng 4 năm 2018, thông qua mạng xã hội Facebook, T biết được Nguyễn Văn H (sinh năm: 1993; trú tại: Xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa) có nhu cầu bán thận. T thỏa thuận với H, giá một quả thận của H là 180.000.000 đồng. Sau đó, T tìm gặp được bà Nguyễn Thị D (sinh năm 1969; trú tại: Xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam) là mẹ của Nguyễn Thị Q (sinh năm 1992, bị viêm cầu thận mạn, suy thận giai đoạn cuối cần ghép thận, đang phải điều trị tại Bệnh viện Quân y 103). T thỏa thuận với bà D bán 01 quả thận của H để ghép cho Q với giá 280.000.000 đồng, bà D đồng ý và đưa H đi làm các xét nghiệm cùng các thủ tục với hình thức hiến tặng. Đến ngày 20/6/2018, H và Q đã được phẫu thuật ghép thận thành công. Sau đó, bà D đã trả cho T 200.000.000 đồng; T khai đã trả cho H 100.000.000 đồng và giữ lại 100.000.000 đồng; sau đó chia cho 02 đối tượng môi giới khác 40.000.000 đồng, T được hưởng lợi 60.000.000 đồng; còn 80.000.000 đồng H đã nhận trực tiếp từ bà D.

Khoảng tháng 10 năm 2018, Nguyễn Đức T đã liên lạc với 06 người khác có nhu cầu bán thận gồm: Lê Thị H (sinh năm 1994; trú tại: Phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang); Bùi Đình H (sinh năm 1987; trú tại: xã X, huyện N, tỉnh Nghệ An); Trương Ngọc T (sinh năm 1991; trú tại: Xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa); Trần Thị Thanh H (sinh năm 1993; trú tại: Phường H, thành phố L, tỉnh Lào Cai); Trần Minh T (sinh năm 1990; trú tại: Xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị); Vũ Quang T (sinh năm 1996; trú tại: Thị trấn B, huyện B, tỉnh Thanh Hóa); T đã đưa những người này về nhà trọ tại địa chỉ: Số X, đường N, phường N, quận L, Thành phố Hà Nội nuôi ăn, ở với mục đích tìm người thích hợp để ghép thận.

Ngày 04/12/2018, tổ công tác Công an phường Ngọc Lâm phối hợp với Đội Cảnh sát hình sự Công an quận Long Biên, Thành phố Hà Nội tiến hành kiểm tra nhà trọ tại địa chỉ: Số X, đường N, phường N, quận L, Thành phố Hà Nội phát hiện đối tượng Nguyễn Đức T và những người trên liên quan đến việc mua bán thận.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức T khai nhận: Do đã từng hiến thận và được người nhận bồi dưỡng số tiền 250.000.000 đồng nên T nắm được quy trình, thủ tục hiến thận; đồng thời qua mạng xã hội T biết có một số người bệnh có nhu cầu mua thận để ghép và một số người khó khăn về kinh tế có nhu cầu bán thận. Do đó, T đã đứng ra mua bán để được hưởng tiền chênh lệch từ giá mua bán thận; trong khoảng thời gian từ tháng 5 đến tháng 6 năm 2018, T đã trực tiếp mua bán thận thành công cho Lý Thị Kim C và Nguyễn Văn H, cụ thể:

Tháng 3 năm 2018, T gặp C tại Bệnh viện Quân y 103, biết C có nhu cầu bán thận và trước đó C đã nhờ một người phụ nữ tên P để bán thận nhưng không thành công; T đồng ý giúp C tìm người mua thận của C. Đến khoảng tháng 4 năm 2018, T đã gặp được chị Phạm Thị T1 đang có nhu cầu mua thận để ghép cho chồng là anh Lại Văn Đ bị suy thận. Tại căng tin Viện bỏng Lê Hữu Trác, T đã nói với chị T1 giá 01 quả thận của C là 310.000.000 đồng, chị T1 đồng ý. Sau đó T đưa C đến gặp chị T1 để chị T1 đưa C đi làm các xét nghiệm và thủ tục ghép thận dưới hình thức cho, hiến. Đến tháng 6 năm 2018, sau khi ca phẫu thuật ghép thận giữa C và anh Đ thành công, T đã nhận được số tiền 310.000.000 của chị T1 qua chị Phạm Thị T2 (là chị gái của chị T1). Sau khi nhận được số tiền này, T đã đưa cho P là người làm việc trực tiếp với C từ đầu, để P trả cho C 250.000.000 đồng, T được P chia cho 15.000.000 đồng.

Tháng 4 năm 2018, qua mạng xã hội FaceBook, T biết được Nguyễn Văn H đang có nhu cầu bán thận; qua nói chuyện, T đồng ý tìm bệnh nhân cho H để bán thận và thỏa thuận nếu bán được thận H sẽ được trả 180.000.000 đồng, H đồng ý. Sau đó, T tìm được bệnh nhân tên Nguyễn Thị Q đang bị viêm cầu thận mạn, suy thận giai đoạn cuối cần ghép thận; T đã thỏa thuận với bà Nguyễn Thị D là mẹ của Q giá một quả thận là 280.000.000 đồng, bà D đồng ý. Sau đó, T đưa H đến để bà D đưa H đi làm các xét nghiệm và thủ tục ghép thận dưới hình thức cho, hiến. Đến tháng 6 năm 2018, sau khi ca phẫu thuật ghép thận giữa H với Q thành công, T đã nhận được 200.000.000 đồng từ bà D. T đã trả cho H 100.000.000 đồng, nhưng do trước đó H có nợ T 10.000.000 đồng nên T đã trừ nợ và chỉ trả cho H 90.000.000 đồng; 100.000.000 đồng còn lại T giữ lại và chia cho 02 người môi giới khác 40.000.000 đồng, T được hưởng lợi 60.000.000 đồng; còn 80.000.000 đồng H đã nhận trực tiếp từ bà D.

Người làm chứng Lý Thị Kim C có lời khai trong quá trình điều tra: Khoảng tháng 3 năm 2018, do cần tiền trả nợ nên C có ý định bán 01 quả thận của mình, C đã lên mạng xã hội FaceBook để tìm hiểu và gặp P, được P cho biết giá 01 quả thận là 250.000.000 đồng; C đã gặp P tại Bệnh viện Quân y 103, P đưa C đi làm các xét nghiệm nhưng do các chỉ số của C không phù hợp với người bệnh nên C không bán được thận. Vì vậy, C đã ở lại khu vực quanh Bệnh

viện Quân y 103 mục đích là tìm người mua thận; sau đó C gặp T, C đã nhờ T tìm người mua. Sau khi tìm được bệnh nhân là ông Lại Văn Đ đang bị suy thận có nhu cầu ghép thận, T đưa C đến gặp bà Phạm Thị T1 là vợ của ông Đ tại căng tin Viện bỏng Lê Hữu Trác, tại đây T trực tiếp thỏa thuận giá cả với bà T1, C không tham gia vào việc thỏa thuận. Sau đó bà T1 đưa C đi làm các xét nghiệm và làm thủ tục ghép thận dưới hình thức cho, hiến... Đến tháng 6 năm 2018, ca ghép thận giữa C và ông Đ thành công, C đã được P chuyển vào tài khoản số tiền 124.000.000 đồng và C nhờ P chuyển 80.000.000 đồng trả nợ cho một số người mà C đã vay tiền; số tiền còn lại 46.000.000 đồng C đã nhận trực tiếp từ P sau khi ra viện. Tổng cộng C đã nhận đủ số tiền 250.000.000 đồng.

Người làm chứng Phạm Thị T1 có lời khai trong quá trình điều tra: Khoảng cuối năm 2017, chồng chị là anh Lại Văn Đ bị suy thận, cần phải ghép thận và đang điều trị tại Bệnh viện Quân y 103. Khoảng tháng 3 năm 2018, chị T1 được một người không quen biết giới thiệu đã gặp T và C tại căng tin Viện bỏng Lê Hữu Trác; tại đây, chị T1 đã thống nhất với T là mua 01 quả thận của C với giá 310.000.000 đồng. Sau đó, chị T1 đưa C đi làm các xét nghiệm và thủ tục hiến thận... đến ngày 05/6/2018, sau khi ca phẫu thuật ghép thận giữa C và anh Đ thành công, chị T1 đã nhờ chị gái là Phạm Thị T2 đưa trực tiếp cho T số tiền 310.000.000 đồng tại căng tin Viện bỏng Lê Hữu Trác.

Người làm chứng Phạm Thị T2 có lời khai trong quá trình điều tra: Chị T2 là chị ruột của chị Phạm Thị T1; ngày 05/6/2018, sau khi chồng của chị T1 là anh Đ ghép thận thành công... chị T1 có nhờ chị T1 cầm 310.000.000 đồng đưa cho T tại căng tin Viện bỏng Lê Hữu Trác. Chị T2 chỉ biết T là người môi giới để C bán thận cho anh Đ, ngoài ra chị không biết, không có quan hệ gì với T...

Người làm chứng Lại Văn Đ có lời khai trong quá trình điều tra: Anh Đ bị suy thận, cần phải mổ để ghép thận; tháng 5/2018 khi đang điều trị tại Bệnh viện Quân y 103, gia đình anh Đ được T giới thiệu cho chị Lý Thị Kim C là người đã bán thận cho anh Đ... Quá trình mua bán thận như thế nào anh Đ không biết vì lúc đó anh Đ đang nằm viện, mọi việc đều do chị T1 là vợ anh Đ đứng ra thống nhất với T...

Người làm chứng Nguyễn Văn H có lời khai trong quá trình điều tra: Khoảng tháng 4, tháng 5 năm 2018, do cần tiền trả nợ nên H có ý định bán 01 quả thận của mình, H đã lên mạng xã hội FaceBook để tìm hiểu và gặp T, T đã môi giới bán cho H 01 quả thận với giá 180.000.000 đồng cho bệnh nhân Nguyễn Thị Q; khi gặp bà D là mẹ của Q, T thỏa thuận giá cả với bà D như thế nào H không biết. Sau khi ca ghép thận thành công, do trước đó H có nợ T 10.000.000 đồng nên T đã trừ luôn và chỉ chuyển cho H 90.000.000 đồng, số tiền còn lại 80.000.000 đồng H đã trực tiếp nhận từ bà D...

Người làm chứng Nguyễn Thị D có lời khai trong quá trình điều tra: Khoảng tháng 3 năm 2018 con gái bà D là Nguyễn Thị Q bị suy thận đang nằm điều trị tại Bệnh viện Quân y 103 cần phải ghép thận; qua mạng xã hội Facebook, gia đình bà D biết được H đang có nhu cầu bán thận; khi bà D trao

đổi việc mua bán thận với H thì H nói giá cả mua bán phải thỏa thuận qua Nguyễn Đức T. Sau đó, T đã thỏa thuận với bà D bán 01 quả thận của H cho bà D với giá 280.000.000 đồng, bà D đồng ý và đưa Hùng đi làm các xét nghiệm và thủ tục hiến thận... Đến khoảng tháng 5 năm 2018, sau khi ca phẫu thuật ghép thận của H cho Q thành công, bà D đã đưa cho T 200.000.000 đồng, còn 80.000.000 đồng bà D đưa trực tiếp cho H...

Người làm chứng Nguyễn Thị Q có lời khai trong quá trình điều tra: Khoảng tháng 3 năm 2018, Q bị suy thận, cần ghép thận và đang nằm điều trị tại Bệnh viện Quân y 103, qua mạng xã hội Facebook, gia đình Q biết được H có nhu cầu bán thận; gia đình Q có trao đổi với H về số tiền mua bán thận thì H nói liên hệ với T để bàn bạc. T là người hướng dẫn gia đình Q và H làm thủ tục ghép thận... Quá trình trao đổi, thỏa thuận mua bán thận là mẹ Q làm việc với T và H...

Biên bản làm việc do Cơ quan điều tra khu vực 1, các Tổ chức sự nghiệp, Bộ Quốc phòng lập hồi 14 giờ ngày 09/5/2019, xác định:

"... Quá trình làm việc, đại diện Khoa thận – lọc máu, Bệnh viện Quân Y 103 cung cấp:

- Trường hợp người hiến Lý Thị Kim C và người nhận Lại Văn Đ do bác sĩ Nguyễn Thị Thùy D tiếp nhận hồ sơ xin hiến thận;

- Trường hợp người hiến thận Nguyễn Văn H và người nhận Nguyễn Thị Q do bác sĩ Nguyễn Thị Thu H tiếp nhận hồ sơ xin hiến thận;

Các trường hợp trên đã được mổ để lấy thận tại Bệnh viện Quân y 103, các bác sĩ tiếp nhận đã thực hiện đúng, đầy đủ các thủ tục theo quy định".

Tại các Biên bản nhận dạng do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Long Biên, Thành phố Hà Nội lập ngày 05/12/2018 và ngày 28/3/2018 thì qua xem ảnh nhận dạng, bà Phạm Thị T2, Phạm Thị T1 và Nguyễn Thị D đều xác định được đúng ảnh của Nguyễn Đức T là người đứng ra giao dịch mua bán thận...

Tại Biên bản làm việc lập hồi 11 giờ ngày 04/12/2018 của Công an phường Ngọc Lâm về việc tiến hành kiểm tra nhà trọ tại số X đã phát hiện một số người có nhu cầu bán thận được T đưa về đây nuôi ăn ở để chờ người có nhu cầu bán thận; lời khai của những người này phù hợp với lời khai của Nguyễn Đức T...

Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 1, các Tổ chức sự nghiệp, Bộ Quốc phòng đã ra Quyết định trưng cầu giám định pháp y xác định tỷ lệ tổn hại sức khỏe và cơ chế hình thành vết thương của Lý Thị Kim C và Nguyễn Văn H. Tuy nhiên, C và H có đơn từ chối giám định, tự chịu trách nhiệm về sức khỏe của bản thân, cam đoan không có khiếu kiện gì khác.

Đối với 02 đối tượng môi giới khác mà T đã chia tiền và người phụ nữ tên P; Cơ quan điều tra hình sự khu vực 1, các Tổ chức sự nghiệp, Bộ Quốc phòng đã tiến hành các biện pháp điều tra nhưng không xác định được nhân thân các đối tượng trên, nên không có căn cứ để xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 249/CT-VKSQSKVTĐHN ngày 25 tháng 9 năm 2019, Viện kiểm sát quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội truy tố Nguyễn Đức T về tội: "Mua bán bộ phận cơ thể người" theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 154 Bộ luật Hình sự.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Đức T về tội "Mua bán bộ phận cơ thể người" theo điểm d, đ khoản 2 Điều 154 Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả vụ án, điều kiện, nguyên nhân phạm tội và nhân thân của bị cáo cũng như căn cứ vào các quy định của pháp luật; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 154; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 08 (Tám) năm đến 09 (Chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (05/12/2018).

- *Về biện pháp tư pháp:* Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Buộc bị cáo phải nộp vào ngân sách nhà nước đối với số tiền đã thu lời bất chính do phạm tội mà có là 115.000.000 đồng;

- *Về xử lý vật chứng*: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước đối với: 01 điện thoại Iphone 8 Plus đã qua sử dụng;

- *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo đồng ý với các nội dung luận tội của Kiểm sát viên về tội danh và điều luật áp dụng.

Lời nói sau cùng, bị cáo đã ân hận về hành phạm tội của mình, vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên mới phạm tội; xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có điều kiện chăm sóc gia đình và sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra hình sự khu vực 1, các Tổ chức sự nghiệp, Bộ Quốc phòng, Điều tra viên; Viện kiểm sát quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, Nguyễn Đức T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp

với lời khai của những người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Các Biên bản xác minh, Biên bản nhận dạng, Biên bản làm việc...

Về việc Nguyễn Đức T khai: Sau khi nhận được số tiền 310.000.000 đồng từ gia đình bà Phạm Thị T1 trong lần mua bán thận của Lý Thị Kim C, bị cáo đã đưa cho P để P trả cho C và bị cáo chỉ được P chia cho 15.000.000 đồng; C khai đã nhận đủ 250.000.000. Đối với lần mua bán thận của Nguyễn Văn H, bị cáo đã nhận được 200.000.000 đồng từ bà Nguyễn Thị D, bị cáo đã trả cho H 100.000.000 đồng và chia cho 02 người môi giới khác 40.000.000 đồng; bị cáo được hưởng lợi 60.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy, bị cáo không biết lý lịch của người phụ nữ tên P và 02 đối tượng môi giới trên, cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp xác minh nhưng không xác định được các đối tượng này cũng như không có tài liệu chứng minh việc bị cáo đã chuyển tiền cho những đối tượng này. Vì vậy, chỉ có cơ sở xác định bị cáo đã thu lời 160.000.000 đồng từ 02 lần mua bán thận trên mà không có cơ sở để cho rằng bị cáo thu lời 115.000.000 đồng như lời khai của bị cáo cũng như xác định của Viện kiểm sát đã nêu trong bản cáo trạng.

Do cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được người phụ nữ tên P và 02 đối tượng môi giới bán thận cùng T nên không có căn cứ để xử lý trách nhiệm đối với các đối tượng này. Vì vậy, tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với các bác sỹ Bệnh viện Quân y 103 là Nguyễn Thị Thùy D, Nguyễn Thị Thu H đã thực hiện đúng quy định, trình tự thủ tục về việc cho, hiến thận. Đối với hành vi mua thận của Nguyễn Thị D, Phạm Thị T1, xét động cơ, mục đích của bà D và bà T1 mua thận là để cứu người thân trong gia đình, không phải mua đi bán lại vì mục đích vụ lợi. Vì vậy, các cơ quan tiến hành tố tụng không xem xét xử lý trách nhiệm đối với những hành vi này là có cơ sở.

Về việc Nguyễn Đức T đã có hành vi nuôi 06 người ăn ở là Lê Thị H, Bùi Đình H, Trương Ngọc T, Trần Thị Thanh H, Trần Minh T và Vũ Quang T với mục đích chờ người thích hợp để bán thận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 14 Bộ luật Hình sự, các cơ quan tiến hành tố tụng không xử lý đối với hành vi này của Nguyễn Đức T là có cơ sở.

Chị Lý Thị Kim C, anh Nguyễn Văn H từ chối giám định và tự chịu trách nhiệm về sức khỏe của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Căn cứ vào diễn biến của các tình tiết vụ án và các chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 6 năm 2018 Nguyễn Đức T đã 02 lần mua bán thận người khác, cụ thể: Lần thứ nhất, Nguyễn Đức T đã thỏa thuận bán 01 quả thận của chị Lý Thị Kim C cho chị Phạm Thị T1 với giá 310.000.000 đồng để chị T1 ghép thận cho chồng là anh Lại Văn Đ; lần mua bán này T thu lời 60.000.000 đồng. Lần thứ hai, Nguyễn Đức T thỏa thuận với anh Nguyễn Văn H về việc tìm người mua 01 quả thận

của anh H với giá 180.000.000 đồng; sau đó T đã bán cho bà Nguyễn Thị D với giá 280.000.000 đồng để chị D ghép thận cho con là Nguyễn Thị Q; lần mua bán này T thu lời 100.000.000 đồng; tổng số tiền T thu lời từ 02 lần mua bán thận người khác là 160.000.000 đồng. Vì vậy, hành vi của Nguyễn Đức T đã phạm vào tội "Mua bán bộ phận cơ thể người" theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 154 Bộ luật Hình sự. Ý kiến của Kiểm sát viên đối với bị cáo là có căn cứ.

[3] Xem xét tính chất vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng; hành vi trên của bị cáo không những đã xâm phạm đến khách thể được luật hình sự bảo vệ đó là quyền được bảo hộ về sức khỏe của con người mà còn gây mất trật tự xã hội trên địa bàn, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của đơn vị Quân đội là Bệnh viện Quân y 103. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội bằng hình thức lợi dụng những người có hoàn cảnh kinh tế khó khăn cần bán thận để có tiền và những người bị bệnh suy thận cần ghép thận, Nguyễn Đức T đã đứng ra mua bán thận để hưởng tiền chênh lệch; vì mục đích vụ lợi mà bị cáo đã coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, Nguyễn Đức T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, bị cáo Nguyễn Đức T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử cũng xem xét đến hoàn cảnh gia đình bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Về biện pháp tư pháp: Bị cáo T đã 02 lần mua bán thận người khác, lần thứ nhất thu lời 60.000.000 đồng, lần thứ hai thu lời 100.000.000 đồng. Tổng cộng bị cáo đã thu lời 160.000.000 đồng; đây là số tiền thu lời bất chính từ việc phạm tội mà có. Vì vậy, buộc bị cáo phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền là 160.000.000 đồng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại Iphone 8 Plus đã qua sử dụng, có số IMEI: 352977092192833, đây là chiếc điện thoại mà bị cáo đã sử dụng vào việc liên lạc mua bán thận của Lý Thị Kim C và Nguyễn Văn H; là phương tiện phạm tội. Vì vậy, tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội: "Mua bán bộ phận cơ thể người".

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 154; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 08 (Tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (05/12/2018).

2. Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải nộp vào ngân sách nhà nước đối với số tiền mà bị cáo đã thu lời bất chính từ việc phạm tội mà có là 160.000.000 (Một trăm sáu mươi triệu) đồng.

3. Về xử lý vật chứng:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước đối với: 01 điện thoại Iphone 8 Plus đã qua sử dụng có đặc điểm theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận Long Biên lập hồi 10 giờ 30 phút ngày 04/12/2018.

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/11/2019) bị cáo có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm lên Tòa án quân sự Thủ đô Hà Nội.

Nơi nhận:
- Tòa án QSTƯ;
- VKSQSTĐHN;
- VKSQSKVTĐHN;
- Phòng THA- BTTM;
- CQĐTHSKV1-CTCSN- BQP;
- CQTHAHS Thủ đô Hà Nội;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam T75, CĐTHS, BQP;
- Lưu: HS, THA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

1// Đỗ Thanh Xuân